PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN AN LÃO

TRƯỜNG MẦM NON TRƯỜNG THỌ

*****

BẢNG KÊ THỰC PHẨM

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

*

- Người mua hàng:

- Chức vụ:

STT	TÊN THỰC PHẨM	Đơn vị tính	Số lượng (kg)					Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		Ghi chú
			Tổng số	Khẩu phần mẫu		Khẩu phần thường			MG	NT	
				MG	NT	MG	NT				
1	Sữa bột toàn phần	Kg	3.90	0.00	0.00	3.72	0.18	275,400	1,024,488	49,572	
2	Gạo tẻ máy	Kg	25.00	0.00	0.00	24.20	0.80	24,000	580,800	19,200	
3	Trứng chim cút	Kg	10.50	0.00	0.00	10.20	0.30	90,000	918,000	27,000	
4	Thịt lợn nạc	Kg	2.10	0.00	0.00	2.00	0.10	155,000	310,000	15,500	
5	Thịt lơn mỡ	Kg	3.00	0.00	0.00	2.70	0.30	135,000	364,500	40,500	
6	Khoai tây	Kg	5.00	0.00	0.00	4.90	0.10	25,000	122,500	2,500	
7	Cà chua	Kg	2.00	0.00	0.00	1.90	0.10	35,000	66,500	3,500	
8	Cà rốt	Kg	1.10	0.00	0.00	1.00	0.10	27,000	27,000	2,700	
9	Nước mắm loại 1	Kg	0.20	0.00	0.00	0.19	0.01	43,000	8,170	430	
10	Súp	Kg	1.00	0.00	0.00	0.90	0.10	30,000	27,000	3,000	
11	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cám,..)	Kg	1.70	0.00	0.00	1.62	0.08	80,000	129,600	6,400	
12	Bột nêm	Kg	0.40	0.00	0.00	0.39	0.01	85,000	33,150	850	
13	Hành củ tươi	Kg	0.20	0.00	0.00	0.19	0.01	80,000	15,200	800	
14	Tỏi ta	Kg	0.20	0.00	0.00	0.19	0.01	60,000	11,400	600	
15	Gừng tươi	Kg	0.10	0.00	0.00	0.09	0.01	60,000	5,400	600	
16	Hành lá (hành hoa)	Kg	0.30	0.00	0.00	0.28	0.02	70,000	19,600	1,400	
17	Cua đồng	Kg	3.00	0.00	0.00	2.90	0.10	180,000	522,000	18,000	
18	Rau mùng tơi	Kg	10.00	0.00	0.00	9.50	0.50	25,000	237,500	12,500	
19	Mướp	Kg	3.00	0.00	0.00	2.90	0.10	25,000	72,500	2,500	
20	Su su	Kg	11.00	0.00	0.00	10.30	0.70	18,000	185,400	12,600	
21	Cà rốt	Kg	3.00	0.00	0.00	2.50	0.50	27,000	67,500	13,500	
22	Gạo nếp	Kg	15.00	0.00	0.00	15.00		42,000	630,000	0	
23	Gạo tẻ máy	Kg	0.30	0.00	0.00		0.30	24,000	0	7,200	
24	Tim lợn	Kg	0.20	0.00	0.00		0.20	315,000	0	63,000	
25	Thịt lợn nạc	Kg	3.00	0.00	0.00	3.00		155,000	465,000	0	
26	Đậu xanh (hạt)	Kg	1.10	0.00	0.00	1.00	0.10	60,000	60,000	6,000	
0	0		0.00	0.00	0.00				0	0	
0	0		0.00	0.00	0.00				0	0	
0	0		0.00	0.00	0.00				0	0	
0	0		0.00	0.00	0.00				0	0	
	Cộng								**5,903,208**	**309,852**	
	Tổng cộng					**0.00**			**6,213,060**		

Người phụ trách **Kế toán** **Người nhận** **Người mua**

Phan Thị Tố

Ký bởi: PHAN THỊ TỐ
Thời gian ký: 02/10/2024 14:39:45
Tổ chức xác thực: Viettel-CA RS

Nguyễn Thị Ngọc Tuyết

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN AN LÃO

TRƯỜNG MẦM NON TRƯỜNG THỌ

*****

BẢNG TÍNH ĐỊNH LƯỢNG KHẨU PHẦN ĂN

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Tổng số suất ăn: 270 **- 3 tuổi: 59** **- Cháo: 0**

Trong đó: + Mẫu giáo: 257 **- 4 tuổi: 78** **+ Nhà trẻ: 13** **- Cơm nát: 0**

- 5 tuổi: 120 **- Cơm thường: 13**

STT	TÊN THỰC PHẨM	Số lượng (kg)		Quy đổi (kg)		Chất dinh dưỡng (g)										Calo	
						P				L				G			
		MG	NT	MG	NT	ĐV		TV		ĐV		TV				MG	NT
						MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT		
1	Sữa bột toàn phần	3.72	0.18	3.72	0.18	1,004.4	48.6	0.0	0.0	967.2	46.8	0.0	0.0	1,413.6	68.4	18,376.8	889.2
2	Gạo tẻ máy	24.20	0.80	24.20	0.80	0.0	0.0	1,911.8	63.2	0.0	0.0	242.0	8.0	18,367.8	607.2	83,248.0	2,752.0
3	Trứng chim cút	10.20	0.30	9.08	0.27	1,189.2	35.0	0.0	0.0	1,007.7	29.6	0.0	0.0	36.3	1.1	13,980.1	411.2
4	Thịt lợn nạc	2.00	0.10	1.96	0.10	372.4	18.6	0.0	0.0	137.2	6.9	0.0	0.0	0.0	0.0	2,724.4	136.2
5	Thịt lơn mỡ	2.70	0.30	2.65	0.29	383.7	42.6	0.0	0.0	987.0	109.7	0.0	0.0	0.0	0.0	10,425.2	1,158.4
6	Khoai tây	4.90	0.10	4.26	0.09	0.0	0.0	85.3	1.7	0.0	0.0	4.3	0.1	891.0	18.2	3,964.6	80.9
7	Cà chua	1.90	0.10	1.81	0.10	0.0	0.0	10.8	0.6	0.0	0.0	3.6	0.2	72.2	3.8	361.0	19.0
8	Cà rốt	1.00	0.10	0.90	0.09	0.0	0.0	13.4	1.3	0.0	0.0	1.8	0.2	69.8	7.0	349.1	34.9
9	Nước mắm loại 1	0.19	0.01	0.19	0.01	13.5	0.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	53.2	2.8
10	Súp	0.90	0.10	0.90	0.10	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
11	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cám,..)	1.62	0.08	1.62	0.08	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1,615.1	79.8	0.0	0.0	14,531.4	717.6
12	Bột nêm	0.39	0.01	0.39	0.01	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
13	Hành củ tươi	0.19	0.01	0.14	0.01	0.0	0.0	1.9	0.1	0.0	0.0	0.6	0.0	6.4	0.3	37.5	2.0
14	Tỏi ta	0.19	0.01	0.15	0.01	0.0	0.0	9.1	0.5	0.0	0.0	0.8	0.0	35.0	1.8	183.9	9.7
15	Gừng tươi	0.09	0.01	0.09	0.01	0.0	0.0	0.4	0.0	0.0	0.0	0.7	0.1	4.6	0.5	26.1	2.9
16	Hành lá (hành hoa)	0.28	0.02	0.22	0.02	0.0	0.0	2.9	0.2	0.0	0.0	0.0	0.0	9.6	0.7	49.3	3.5
17	Cua đồng	2.90	0.10	0.90	0.03	110.6	3.8	0.0	0.0	29.7	1.0	0.0	0.0	18.0	0.6	782.1	27.0
18	Rau mùng tơi	9.50	0.50	7.89	0.42	0.0	0.0	157.7	8.3	0.0	0.0	0.0	0.0	110.4	5.8	1,103.9	58.1
19	Mướp	2.90	0.10	2.35	0.08	0.0	0.0	21.2	0.7	0.0	0.0	4.7	0.2	65.9	2.3	400.3	13.8
20	Su su	10.30	0.70	8.24	0.56	0.0	0.0	65.9	4.5	0.0	0.0	8.2	0.6	296.6	20.2	1,565.6	106.4
21	Cà rốt	2.50	0.50	2.24	0.45	0.0	0.0	33.6	6.7	0.0	0.0	4.5	0.9	174.5	34.9	872.6	174.5
22	Gạo nếp	15.00	0.00	15.00	0.00	0.0	0.0	0.0	0.0	600.0	0.0	0.0	0.0	3,000.0	0.0	10,500.0	0.0
23	Gạo tẻ máy	0.00	0.30	0.00	0.30	0.0	0.0	0.0	23.7	0.0	0.0	0.0	3.0	0.0	227.7	0.0	1,032.0
24	Tim lợn	0.00	0.20	0.00	0.19	0.0	28.4	0.0	0.0	0.0	6.0	0.0	0.0	0.0	2.3	0.0	176.7
25	Thịt lợn nạc	3.00	0.00	2.94	0.00	558.6	0.0	0.0	0.0	205.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	4,086.6	0.0
26	Đậu xanh (hạt)	1.00	0.10	0.98	0.10	0.0	0.0	229.3	22.9	0.0	0.0	23.5	2.4	520.4	52.0	3,214.4	321.4
0	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
0	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
0	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
0	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
	Cộng					3,632.4	177.7	2,543.3	134.5	3,934.5	200.0	1,909.8	95.3	25,092.1	1,054.8	170,836.2	8,130.2
	Bình quân thực tế /1 trẻ					**14.1**	**13.7**	**9.9**	**10.3**	**15.3**	**15.4**	**7.4**	**7.3**	**97.6**	**81.1**	**664.7**	**625.4**
	Thấp: MG:P:13%,L:25%,G:52%;NT: P:13%,L:30					**11.7**	**11.4**	**7.8**	**7.6**	**11.6**	**13.6**	**5.0**	**5.8**	**78.0**	**68.8**	**615.0**	**600.0**
	Cao: MG:P:20%,L:35%,G:60%;NT: P:20%,L:40%					**21.3**	**19.1**	**14.2**	**12.7**	**19.1**	**19.6**	**8.2**	**8.4**	**106.2**	**79.4**	**726.0**	**651.0**

Quyết toán trong ngày

- Tiêu chuẩn được chi: 6,210,000 đ
- Hôm trước mang sang: 14,070 đ
- Đã chi: 6,213,060 đ
- Thừa: 0 0.0
- Thiếu: 3,060 đ
- Luỹ kế: 11,010 đ

Thực đơn

*** Bữa sáng:** - Sữa bột
- Cơm tẻ. Trứng cút thịt nạc

*** Bữa trưa:** - Canh cua mồng tơi,đay mướp
- Rau Su su

***Ăn chiều:** - Xôi ruốc
- Cháo tim đỗ xanh